

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 80E/2024/DS-PT

Ngày: 05/02/2024

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huân.

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Tuyết và bà Nguyễn Thị Hạnh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 456/2023/TLPT-ĐS ngày 30/11/2023, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2023/DS-ST, ngày 25/9/2023, của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 337/2023/QĐ-PT, ngày 21/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2024/QĐ-PT ngày 10/01/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Ái N - Có mặt.

Địa chỉ: Số 03/104 đường V, thị trấn T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tô Tiến D - Có mặt (theo văn bản ủy quyền ngày 19/4/2023)

Địa chỉ: Số 55 đường Đ, phường T, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Dương Ngọc T và bà Trần Thị H.

Địa chỉ: Số 130 đường V, thị trấn T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Văn Đức M - Có mặt (theo văn bản ủy quyền ngày 25/5/2023)

Địa chỉ: Số 108 đường T, thị trấn P, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/11/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Ái N trình bày: Do quen biết với vợ chồng ông Dương Ngọc T, bà Trần Thị H, trong thời gian từ ngày 01/01/2020 đến ngày 08/10/2022, vợ chồng ông T, bà H vay tiền bà nhiều lần, cụ thể:

Lần thứ 1: Ngày 07/12/2019 âm lịch (tức ngày 01/01/2020 dương lịch), ông T, bà H vay bà 100.000.000đ và cam kết trả nợ tiền vay vào ngày 17/12/2019 âm lịch (tức ngày 11/01/2020 dương lịch).

Lần thứ 2: Ngày 29/11/2020 âm lịch (tức ngày 11/01/2021 dương lịch), ông T, bà H vay bà 40.000.000đ và cam kết trả nợ tiền vay vào ngày 09/12/2020 âm lịch (tức ngày 21/01/2021 dương lịch).

Lần thứ 3: Ngày 07/02/2021 âm lịch (tức ngày 19/03/2021 dương lịch), ông T, bà H vay bà 20.000.000đ và cam kết trả nợ tiền vay vào ngày 07/03/2021 âm lịch (tức ngày 18/4/2021 dương lịch).

Lần thứ 4: Ngày 28/11/2021 âm lịch (tức ngày 31/12/2021 dương lịch), ông T, bà H vay bà 230.000.000đ và cam kết trả nợ tiền vay vào ngày 28/12/2021 âm lịch (tức ngày 30/01/2022 dương lịch).

Lần thứ 5: Ngày 22/12/2021 âm lịch (tức ngày 24/01/2022 dương lịch), ông T, bà H vay bà 100.000.000đ và cam kết trả nợ tiền vay vào ngày 22/01/2021 âm lịch (tức ngày 22/02/2022 dương lịch).

Lần thứ 6: Ngày 22/03/2022 âm lịch (tức ngày 24/4/2022 dương lịch), ông T, bà H vay bà 220.000.000đ và cam kết trả nợ tiền vay vào ngày 22/4/2022 âm lịch (tức ngày 22/5/2022 dương lịch).

Lần thứ 7: Ngày 13/9/2022 âm lịch (tức ngày 08/10/2022 dương lịch), ông T, bà H vay bà 52.500.000đ và cam kết trả nợ tiền vay vào ngày 23/9/2022 âm lịch (tức ngày 18/10/2022 dương lịch).

Tổng cộng, ông T và bà H đã vay bà 762.500.000đ, với lãi suất hai bên thỏa thuận; Đến hạn trả nợ khoản tiền vay nêu trên, mặc dù bà đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông T, bà H chỉ trả cho bà một phần tiền lãi và trả nhiều lần, hiện tại bà không nhớ rõ; Đối với khoản tiền nợ gốc, ông T và bà H chưa trả cho bà; Mặc dù bà H là người ký giấy vay tiền và nhận tiền vay của bà Nng ông T là chồng bà H nhiều lần đi cùng bà H đến nhà bà vay tiền; Vợ chồng ông T, bà H sử dụng tiền vay của bà để mua, bán bất động sản. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông T và bà H phải trả cho bà khoản tiền nợ gốc đã vay 762.500.000đ; bà không yêu cầu ông T và bà H trả tiền lãi.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, bị đơn là bà Trần Thị H trình bày: Trong năm 2021 và năm 2022, bà đã vay tiền bà Hồ Ái N nhiều lần, tổng cộng 762.500.000đ và sử dụng tiền vay kinh doanh bị thua lỗ, nên không có khả năng trả nợ cho bà N khoản tiền đã vay; Việc bà vay tiền bà N và sử dụng tiền vay để kinh doanh, chồng bà là ông Dương Ngọc T hoàn toàn không biết; Việc bà N khởi kiện, bà đề nghị được trả nợ cho bà N khoản tiền vay nêu trên, trong thời hạn 01 năm.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, bị đơn là ông Dương Ngọc T trình bày: Ông là chồng bà Trần Thị H; Việc bà H vay tiền bà Hồ Ái N và sử dụng tiền vay vào mục đích gì, ông hoàn toàn không biết. Vì vậy, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N về việc buộc ông phải liên đới cùng với H, trả nợ tiền vay cho bà N.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2023/DS-ST, ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định: Căn cứ Điều 466, khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015; Điều 25, Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Ái N.

Buộc ông Dương Ngọc T, bà Trần Thị H, phải liên đới trả cho bà Hồ Ái N số tiền 762.500.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí giám định, lãi suất trong giai đoạn thi hành án, án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 12/10/2023, bị đơn là ông Dương Ngọc T, có đơn kháng cáo với lý do: Vợ ông, là bà Trần Thị H vay bà Hồ Ái N 762.500.000đ và sử dụng tiền vay vào mục đích gì, ông hoàn toàn không biết. Tòa án cấp sơ thẩm, buộc ông liên đới cùng bà H phải nợ cho bà N 762.500.000đ là không đúng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là ông Dương Ngọc T, VKSND tỉnh Đắk Lắk xét thấy: Ông Dương Ngọc T và Trần Thị H là vợ chồng; Trong năm 2021 và năm 2022, bà H 07 lần vay tiền bà Hồ Ái N, với tổng số tiền 762.500.000đ và sử dụng khoản tiền này để kinh doanh, nhằm phát triển kinh tế gia đình. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử buộc ông T và H, phải liên đới trả cho bà N khoản tiền đã vay 762.500.000đ là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn không rút đơn kháng cáo; Các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

[1] Xét đơn kháng cáo của bị đơn còn trong hạn luật định, nên hợp lệ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là ông Dương Ngọc T, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thì trong thời gian từ ngày 01/01/2020 đến ngày 08/10/2022, bà Trần Thị H vay tiền của bà Hồ Ái N nhiều lần, với tổng số tiền 762.500.000đ; Bà H là người ký vào các giấy vay tiền; Nội dung các giấy vay tiền, không ghi mục đích sử dụng tiền vay. Tuy nhiên, quá trình tham gia giải quyết vụ án, bà H thừa nhận đã vay bà N khoản tiền nêu trên và sử dụng tiền vay kinh doanh, bị thua lỗ, dẫn đến không có khả năng trả nợ tiền vay bà N. Mặc dù, ông T không ký vào các giấy vay tiền bà N nhưng giữa ông T và bà H là vợ chồng, sống chung với nhau, việc bà H vay tiền bà N nhiều lần, trong thời gian dài, với số tiền trị giá lớn và sử dụng tiền vay để kinh doanh nhằm phát triển kinh tế gia đình, nên ông T biết và đồng tình với bà H việc vay tiền của bà N để kinh doanh. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử buộc ông T và H phải liên đới trả cho bà N khoản tiền đã vay 762.500.000đ là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của Dương Ngọc T, không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận, ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Ngọc T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 463, Điều 466 BLDS năm 2015; Điều 25, Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Ái N.

Buộc ông Dương Ngọc T và bà Trần Thị H, phải liên đới trả cho bà Hồ Ái N 762.500.000đ tiền nợ gốc đã vay.

Về án phí phúc thẩm: Ông Dương Ngọc T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm và được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, tại biên lai số: 0015621 ngày 17/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Ana;
- CC THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Huân